

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025-2030

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển hạ tầng số Việt Nam thời kỳ 2025- 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Cục Viễn thông theo dõi, đánh giá và định kỳ hàng năm báo cáo tình hình triển khai Kế hoạch, kịp thời đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, điều

chính, cập nhật Kế hoạch phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong nước và xu hướng phát triển hạ tầng số trên thế giới.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Viễn thông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Phạm Đức Long;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Sở KHCN các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ (để t/h);
- Các DN công nghệ (để t/h);
- Công Thông tin điện tử Bộ KHCN;
- Lưu: VT, CVT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Đức Long

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ THỜI KỲ 2025 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày / /2025
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

I. QUAN ĐIỂM

1. Hạ tầng số là hạ tầng của nền kinh tế: hạ tầng số của Việt Nam (bao gồm 04 thành phần chính: (i) Hạ tầng viễn thông và Internet; (ii) Hạ tầng dữ liệu; (iii) Hạ tầng vật lý - số; (iv) Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ) phải có dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng, phổ cập, bền vững, xanh, thông minh, mở và an toàn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, Chính phủ số, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc "hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí".

3. Phát triển hạ tầng số hiện đại thông qua cơ chế hợp tác công tư trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu.

4. Hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong nước quy mô lớn để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế.

5. Hạ tầng số là không gian phát triển mới, phải được ưu tiên đầu tư, hiện đại hóa và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số. Hạ tầng số phải được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác.

II. MỤC TIÊU

1. Năm 2025

a) Hạ tầng viễn thông - Internet

- Mở rộng vùng phủ sóng 5G toàn quốc, phấn đấu số trạm 5G phát sóng trong năm 2025 đạt tối thiểu 50% so với số lượng trạm 4G đã phát sóng.

- Tăng gấp đôi tốc độ tải xuống trung bình của mạng viễn thông di động mặt đất Việt Nam so với năm 2024¹.

- Đưa vào khai thác tối thiểu 01 tuyến cáp quang biển quốc tế mới. Tổng dung lượng thiết kế cáp quang trên biển đạt 52 Tbps.

¹ Theo số liệu thống kê của speedtest.net

- Tối thiểu 25% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.

- Tối thiểu 01 doanh nghiệp được cấp phép và tổ chức triển khai thí điểm dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.

- Việt Nam nằm trong nhóm 20 nước dẫn đầu thế giới về chuyển đổi Internet sang IPv6.

b) Hạ tầng dữ liệu

- Hình thành 1-2 trung tâm dữ liệu mới đạt tiêu chuẩn xanh (*chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE - Power Usage Effectiveness) dưới 1,4*), trong đó ít nhất 01 trung tâm dữ liệu đạt chuẩn hỗ trợ các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (*AI data center - có công suất/rack tối thiểu 20kw*).

- Tổng công suất điện thiết kế của các trung tâm dữ liệu toàn quốc đạt tối thiểu 241,5 MW.

c) Hạ tầng vật lý – số

- Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) sẵn sàng tại tất cả các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo;

- Trung bình mỗi người dân có 01 kết nối Internet vạn vật (IoT - Internet of Things).

d) Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ

- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Tên miền “.vn” là thương hiệu quốc gia, đạt tối thiểu 1 triệu tên miền, chiếm tối thiểu 60% tên miền sử dụng ở Việt Nam; Việt Nam đứng thứ nhất ASEAN, thuộc nhóm 10 nước dẫn đầu Châu Á, nhóm 20 - 30 nước dẫn đầu thế giới về tên miền.

- Phát triển các nền tảng cung cấp các công nghệ số (IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, an ninh mạng,...) như dịch vụ, đóng vai trò là hạ tầng mềm để phát triển kinh tế, xã hội.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Hạ tầng số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn quốc.

a) Hạ tầng viễn thông - Internet

Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo.

- 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên.

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.
- Xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G.

- Số tuyến cáp quang biển mới đưa vào hoạt động: 09 Tuyến cáp quang biển. Tổng dung lượng thiết kế cáp quang trên biển: ≥ 350 Tbps. Hệ thống cáp quang trên biển của Việt Nam được triển khai phân bổ hài hòa theo tất cả các hướng khả thi về mặt kỹ thuật: kết nối ra biển Đông lên phía Bắc; kết nối ra biển Đông xuống phía Nam; kết nối ra vùng biển phía Nam.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng thêm tối thiểu 02 tuyến cáp quang biển do Việt Nam làm chủ.

- Triển khai và đưa vào sử dụng thêm tối thiểu 02 tuyến cáp quang đất liền quốc tế, đảm bảo tổng dung lượng cáp quang quốc tế trên đất liền đạt tối thiểu 15% dung lượng sử dụng thực tế của hệ thống cáp quang trên biển.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 90%; chuyển đổi hoàn toàn mạng Internet Việt Nam sang IPv6, sẵn sàng cho IPv6 only, Internet of Things.

b) Hạ tầng dữ liệu

- Hình thành thêm tối thiểu 11 trung tâm dữ liệu mới đạt tiêu chuẩn xanh (*chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE - Power Usage Effectiveness) dưới 1,4*), trong đó ít nhất 05 trung tâm dữ liệu đạt chuẩn hỗ trợ các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI data center).

- Tổng công suất điện thiết kế của các Trung tâm dữ liệu đạt tối thiểu 788 MW.

c) Hạ tầng vật lý – số

- Phát triển hạ tầng vật lý số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu (giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị).

- Số lượng kết nối IoT đạt mức cao của thế giới hoặc trung bình mỗi người dân 04 kết nối IoT.

- Thí điểm triển khai bản sao số cho tối thiểu một thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số (*bao gồm các nền tảng số: định danh số, xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu*).

- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Về cơ chế, chính sách

- a) Xây dựng, ban hành danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số.

b) Có cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong nước quy mô lớn để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế.

c) Hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (*ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet, trạm cáp bờ kết nối quốc tế...*).

d) Thúc đẩy, hỗ trợ địa phương xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2030 của tỉnh, thành phố. Ban hành hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, quy định hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng số, sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng kỹ thuật của các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

e) Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng số; xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác. Hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc, thúc đẩy triển khai hạ tầng viễn thông tại các khu vực đất công, đất đa mục đích,...

2. Hạ tầng viễn thông - Internet

a) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ viễn thông.

b) Tổ chức đấu giá băng tần 700 MHz và các băng tần di động khác, kịp thời đáp ứng nhu cầu tần số để phát triển hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp.

c) Ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy hoạch tần số vô tuyến điện phù hợp với xu hướng quốc tế, tạo nền tảng vững chắc trong xây dựng hệ thống thông tin hiện đại, thông suốt và hiệu quả.

d) Triển khai các giải pháp đã được nêu tại Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, bao gồm: *Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp triển khai nhanh 5G; Chính sách phát triển các tuyến cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển do doanh nghiệp viễn thông Việt Nam tham gia góp vốn hoặc là chủ đầu tư; Thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.*

3. Hạ tầng dữ liệu

a) Rà soát, bổ sung quy định công nghệ Trung tâm dữ liệu là một loại hình công nghệ cao.

b) Thúc đẩy rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung

tâm dữ liệu.

c)Phát triển, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu, bao gồm: các trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn quốc tế, an toàn, bền vững, theo tiêu chuẩn xanh.

d)Thu hút đầu tư trong và ngoài nước triển khai các trung tâm dữ liệu siêu lớn (Hyperscale Data Center); Trung tâm dữ liệu hỗ trợ các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo; Trung tâm dữ liệu biên.

4. Hạ tầng vật lý – số

a)Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về IoT (tương thích thiết bị, chuẩn kết nối, bảo mật dữ liệu) phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.

b)Thúc đẩy, hỗ trợ địa phương xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

c) Hỗ trợ, thúc đẩy xây dựng Đề án thí điểm triển khai bản sao số cho một số thành phố thuộc trung ương để quản lý, phát triển.

d)Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thông như giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần, chính quyền thành phố, y tế và giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng.

5. Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ

a)Thúc đẩy xây dựng, phát triển các nền tảng, sản phẩm quốc gia đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

b)Xây dựng danh mục, kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực, vùng

c)Phát triển, hoàn thiện, tối ưu hoá các nền tảng theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

d) Thúc đẩy, hỗ trợ chính quyền các cấp sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

e) Thúc đẩy phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số trong nước đảm bảo an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1.Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Ban chỉ đạo phát triển hạ tầng số và các Tổ công tác chuyên trách (tương ứng với từng thành phần hạ tầng số) của Bộ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2030 của địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, ban hành trong năm 2025.

3.Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại phụ lục đính kèm Kế hoạch này có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết và tổ chức thực hiện, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo yêu cầu.

4.Định kỳ hàng tháng (trước ngày cuối cùng của tháng), các đơn vị, doanh nghiệp xây dựng báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để tổng hợp, báo cáo.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phụ lục:

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ
THỜI KỲ 2025 -2030**

(kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2025)

STT	Chỉ tiêu, nội dung nhiệm vụ	Kết quả dự kiến	Thời hạn	Đơn vị chủ trì điều phối triển khai (đầu mối Bộ KHCN)	Đơn vị phối hợp
I	Mục tiêu 2025				
1	Số trạm 5G phát sóng trong năm 2025 đạt tối thiểu 50% so với số lượng trạm 4G đã phát sóng		12/2025	Cục Viễn thông	
2	Tối thiểu 25% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.		12/2025	Cục Viễn thông	
3	Việt Nam nằm trong nhóm 20 nước dẫn đầu thế giới về chuyển đổi Internet sang IPv6. Tên miền “.vn” là thương hiệu quốc gia, đạt tối thiểu 1 triệu tên miền, chiếm tối thiểu 60% tên miền sử dụng ở Việt Nam; Việt Nam đứng thứ nhất ASEAN, thuộc nhóm 10 nước dẫn đầu Châu Á, nhóm 20 - 30 nước dẫn đầu thế giới về tên miền.	60% tên miền sử dụng ở Việt Nam	12/2025	Trung tâm VNNIC	
4	Hình thành 1-2 trung tâm dữ liệu mới đạt tiêu chuẩn xanh (chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE - Power Usage Effectiveness) dưới 1,4), trong đó ít nhất 01 trung tâm dữ liệu đạt chuẩn hỗ trợ các ứng dụng trí		12/2025	Cục VT Cục CĐSQG	

	tuệ nhân tạo (AI data center - công suất/rack đạt tối thiểu 20kw).				
5	50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	50%	12/2025	Trung tâm NEAC	
II	Mục tiêu 2030				
1	Phát triển các nền tảng cung cấp các công nghệ số (IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, an ninh mạng,...)		12/2030	Cục CĐSQG	
2	Xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G		12/2030	Cục VT	Cục Tần số
3	Hình thành thêm tối thiểu 11 trung tâm dữ liệu mới đạt tiêu chuẩn xanh, trong đó ít nhất 05 trung tâm dữ liệu đạt chuẩn hỗ trợ các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI data center)		12/2025	Cục VT Cục CĐSQG	
4	70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	70%	12/2030	Trung tâm NEAC	
5	Tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 90%; chuyển đổi hoàn toàn mạng Internet Việt Nam sang IPv6, sẵn sàng cho IPv6 only, Internet of Things.		12/2030	Trung tâm VNNIC	
6	Thí điểm triển khai bản sao số cho tối thiểu 01 thành phố trực thuộc Trung ương		12/2030	Cục CĐSQG	
III	Nhiệm vụ, giải pháp				
1	Xây dựng, ban hành danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số	Danh mục được ban hành	6/2025	Cục VT	

2	Có cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong nước quy mô lớn để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia và đủ năng lực cạnh tranh quốc	Quyết định Thủ tướng	9/2025	Cục CNICT	
3	Hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số		12/2025	Sở KHCN các tỉnh, thành chủ trì Cục VT theo dõi, đôn đốc	
4	Thúc đẩy, hỗ trợ địa phương xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2030 của tỉnh, thành phố. Ban hành hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, quy định hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng số, sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng kỹ thuật của các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.	Kế hoạch được ban hành	12/2025	Sở KHCN các tỉnh, thành chủ trì Cục VT theo dõi, đôn đốc	
5	Tổ chức đấu giá băng tần 700 MHz	Ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá	12/2025	Cục TSVTĐ	Cục VT
6	Ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy hoạch tần số vô tuyến điện	Ban hành Quy hoạch	2025-2030	Cục TSVTĐ	Vụ pháp chế
7	Rà soát, bổ sung quy định công nghệ Trung tâm dữ liệu là một loại hình công nghệ cao	bổ sung quy định công nghệ Trung tâm dữ liệu là một	12/2025	Vụ Khoa học kỹ thuật và Công nghệ	Cục CNICT, Cục VT

		loại hình công nghệ cao			
8	Thúc đẩy, hỗ trợ địa phương xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Các địa phương ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện	9/2025	Các địa phương chủ trì Cục VT theo dõi, đôn đốc	
9	Hỗ trợ, thúc đẩy xây dựng Đề án thí điểm triển khai bản sao số cho một số thành phố lớn thuộc trung ương để quản lý, phát triển.	Góp ý nội dung Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	9/2025	Cục CĐSQG	
10	Xây dựng danh mục, kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực, vùng	Quyết định của Bộ trưởng	6/2025	Cục CĐSQG	
11	Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội	Kế hoạch triển khai	6/2026	Vụ Kinh tế và Xã hội số	
12	Tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số	Kế hoạch triển khai	6/2026	Cục VT	